TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 29 - 11 - 2019.
Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Xuân Đính.

Ông Dương Xuân Thìn.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Xuân Hiếu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 384/2019/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp Ly hôn và nuôi con sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2019/QĐXXST– HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2019/QĐST – HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 15/10/1990, chứng minh nhân dân số 01309xxxx do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 16/12/2011.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn TO, xã TD, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Lê Văn X, sinh ngày 27/7/1987 , căn cước công dân số 00108701xxxx do Cục cảnh sát cấp ngày 24/5/2017.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn B, xã KC, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều T kết hôn với anh Lê Văn X trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KC, huyện Đ, thành phố Hà Nội ngày 12/6/2018. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại Thôn B, xã KC, huyện Đ, thành phố Hà Nội, ở chung cùng gia đình anh X.

Theo chị T trình bày: Vợ chồng chung sống hòa thuận cho đến tháng 10 năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh X đánh đập, chửi bới chị và nhốt con riêng của chị vào chuồng chó. Sau khi xảy ra mâu thuẫn chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở TO, TD, Đ, Hà Nội ở. Gia đình hai bên đã động viên, khuyên giải anh chị nhưng do anh X nghiện ngập đi lang thang suốt và không chịu làm ăn nên chị xác định vợ chồng không thể chung sống có hạnh phúc. Do vậy, chị T xin ly hôn với anh X để ổn định cuộc sống.

Đối với anh Lê Văn X, Tòa án đã nhiều lần đến nhà anh X để tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và ghi lời khai của anh nhưng anh đều không có mặt tại nhà nên Tòa án không lấy được lời khai của anh. Theo bà Lê Thị M, mẹ của anh Lê Văn X cung cấp: Anh X là con trai thứ nhất trong số hai người con trai của bà. Trước khi kết hôn với chị T, anh X đã có một đời vợ và đã ly hôn. Năm 2018, anh X kết hôn với chị T và sau khi đăng ký kết hôn anh chị chung sống cùng nhau tại thôn B, xã KC, Đ, ở chung cùng gia đình bà. Thời gian đầu anh chị chung sống bình thường nhưng do từ trước khi kết hôn với chị T anh X đã sử dụng ma túy đá, hay bỏ nhà đi lang thang, xin tiền người quen để sử dụng ma túy nên chỉ được hơn một tháng chung sống thì chị T đã bỏ về nhà chị ở TO, TD, Đ, Hà Nội ở cho đến nay. Từ khi chị T bỏ về nhà chị thì anh X thường xuyên bỏ nhà đi, thỉnh thoảng về nhà lại đập phá. Nay chị T xin ly hôn anh X, gia đình bà nhất trí vì ngay từ đầu gia đình bà đã không đồng ý cho anh chị kết hôn do xác định với hoàn cảnh như vậy anh chị không thể chung sống cùng nhau..

Về con chung: Chị T trình bày vợ chồng có một con chung là: Nguyễn Hoàng Gia L, sinh ngày 15/5/2019. Cháu khỏe mạnh, bình thường và được chị T khai sinh theo họ mẹ và nhập khẩu theo chị vì sau khi kết hôn với anh X chị vẫn chưa chuyển khẩu về cùng anh. Ly hôn, chị đề nghị để chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu Gia L và yêu cầu anh X dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Chị hiện là lao động tự do, thu nhập bình quân 4.000.000 đồng/ 1 tháng.

Bà Lê Thị M mẹ anh X xác định: Nhất trí với ý kiến chị T trình bày về con chung của chị và anh X. Ly hôn, bà nhất trí để chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu

Gia L. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh X không có việc làm, thu nhập không có, gia đình bà cũng khó khăn nên không thể hỗ trợ chị T trong việc nuôi dưỡng con chung của anh chị.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị T xác định anh chị không có tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị T vẫn giữ nguyên toàn bộ ý kiến, yêu cầu đã trình bày tại Tòa án. Tuy nhiên, chị xin thay đổi về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Chị xác định: Khoảng mười ngày trước anh X do sử dụng ma túy bị ngáo đá, có hành vi gây mất trật tự trị an nên đã bị bắt đưa đi cai nghiện. Do anh X phải đi cai nghiện, không có thu nhập nên chị đề nghị tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh X cho đến khi con chung của anh chị thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Chị chỉ nghe thông tin là anh X bị đưa đi cai nghiện nhưng không rõ anh cai nghiện tại đâu và cũng không có chứng cứ gì về việc này để giao nộp cho Tòa án. Ngoài ra chị không thay đổi, bổ sung thêm gì khác.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm tố tụng.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều T xin ly hôn anh Lê Văn X. Chị Nguyễn Thị Kiều T được ly hôn anh Lê Văn X.

Về con: Chị T, anh X có một con chung là: Nguyễn Hoàng Gia L, sinh ngày 15/5/2019. Ly hôn, giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Gia L và tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh X cho đến khi con chung của anh chị thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Anh X có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản của vợ chồng: Anh chị không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí không giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Văn X đã được tống đạt hợp lệ đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, do vậy Tòa án tiến hành xét xử

vắng mặt đối với anh X theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Lê Văn X: Anh chị tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã KC, huyện Đ, thành phố Hà Nội ngày 12/6/2018 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Qua lời khai của chị T và xác minh ý kiến gia đình hai bên, đặc biệt là gia đình anh X và chính quyền địa phương xác định: Sau khi kết hôn được một thời gian ngắn giữa anh chị đã nảy sinh những mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do anh X thường xuyên bỏ nhà đi lang thang, không quan tâm, chăm sóc vợ, gia đình. Tòa án đã nhiều lần liên hệ để tống đạt các văn bản tố tụng và lấy lời khai nhưng anh đều không có nhà nên Tòa án không thể gặp trực tiếp, báo gọi để thực hiện các thủ tục hòa giải giữa anh chị thì anh X không có mặt theo giấy báo của Tòa án. Kết quả xác minh cho thấy, nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng và không khắc phục được. Do vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kiều T với anh Lê Văn X là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Anh chị có một con chung là: Nguyễn Hoàng Gia L, sinh ngày 15/5/2019. Cháu khỏe mạnh, bình thường. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Gia L và yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con chung cho chị mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con chung thành niên hoặc có quyết định khác. Tuy nhiên tại phiên tòa chị T đã thay đổi quan điểm, chị xác định anh X không có việc làm, thu nhập nên không có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con chung cho chị do vậy chị đề nghị tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh X cho đến khi con chung của anh chị thành niên hoặc có quyết định khác của Tòa án là phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án và quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung của vợ chồng: Chị T xác định anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật nên được Tòa án ghi nhận.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, chị Nguyễn Thị Kiều T là nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 88 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều T về việc xin ly hôn anh Lê Văn X. Chị Nguyễn Thị Kiều T được ly hôn anh Lê Văn X.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Lê Văn X có một con chung là: Nguyễn Hoàng Gia L, sinh ngày 15/5/2019. Ly hôn, giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Gia L và tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh X cho đến khi cháu Gia L thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Anh Lê Văn X có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản của vợ chồng: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, chị Nguyễn Thị Kiều T phải chịu để sung công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0008729 ngày 23/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Chị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm chị Nguyễn Thị Kiều T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Văn X có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Anh;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- THA dân sự huyện Đông Anh;
- UBND xã KC, huyện Đ, thành phố Hà Nội (GCN kết hôn số 40 ngày 12/6/2018);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Thanh